

Số: 59/KH-UBND

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 3 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện duy trì và nâng cao Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index) tỉnh Quảng Ninh năm 2019

Để đảm bảo yêu cầu và định hướng về ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức đánh giá thường niên chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT Việt Nam (Vietnam ICT Index) đối với các Bộ, ngành và các địa phương từ năm 2005; theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông, chỉ số ICT Index có liên hệ mật thiết (tỷ lệ thuận) với các chỉ số: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và Chỉ số Thương mại điện tử (EBI). Kết quả Vietnam ICT Index, tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn 2016-2018 duy trì vị trí thứ 04/63 tỉnh/thành phố trên toàn quốc, đứng sau các địa phương: Đà Nẵng, Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Để tiếp tục duy trì và nâng cao Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index) tỉnh Quảng Ninh, góp phần duy trì vị trí dẫn đầu về chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và cải thiện chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh trong năm 2019 và các năm tiếp theo, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch duy trì và nâng cao Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index) tỉnh Quảng Ninh năm 2019 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÁC CHỈ TIÊU ICT- INDEX NĂM 2018

1. Hạ tầng kỹ thuật: Hạ tầng kỹ thuật năm 2018 tỉnh Quảng Ninh xếp thứ 5/63, đạt 0,5276/1 điểm, điểm đạt được của tỉnh Quảng Ninh có khoảng cách khá lớn so với 2 địa phương xếp đầu (bằng 56% số điểm của địa phương xếp vị trí thứ 1; bằng 69% số điểm của địa phương xếp vị trí thứ 2). Việc đánh giá Hạ tầng kỹ thuật dựa trên hai tiêu chí:

1.1. Hạ tầng kỹ thuật xã hội: Xếp thứ 6, đạt 0,4359/1 điểm, có khoảng cách khá lớn so với đơn vị đứng thứ 1 (đạt 1 điểm) và đơn vị đứng thứ 2 (đạt 0,8676 điểm). Hạng mục được đánh giá dựa trên 8 tiêu chí, kết quả của từng tiêu chí như sau:

- (1) Tỷ lệ máy điện thoại cố định/100 dân: xếp thứ 12;
- (2) Tỷ lệ máy điện thoại di động/100 dân: xếp thứ 2;
- (3) Tỷ lệ thuê bao Internet/100 dân: xếp thứ 8;
- (4) Tỷ lệ thuê bao băng rộng cố định/100 dân: xếp thứ 10;
- (5) Tỷ lệ thuê bao băng rộng không dây/100 dân: xếp thứ 14;